

Số: 168/2020/QĐST-HNGĐ

Thọ Xuân, ngày 05 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 184/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1995; nơi ĐKKHKT: Thôn 7 Kh, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở hiện nay: Thôn 5, xã D, huyện Tr, Thanh Hóa;

Bị đơn: Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn 7 Kh, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 7 năm 2020,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Vũ Thị H và anh Đỗ Văn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị Vũ Thị H và anh Đỗ Văn H tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Vũ Thị H và anh Đỗ Văn H có 02 (hai) con chung là cháu Đỗ Thị Quỳnh A, sinh ngày 15/01/2014 và cháu Đỗ Vũ Hoàng T, sinh ngày 20/10/2019.

Chị Vũ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Đỗ Thị Quỳnh A và cháu Đỗ Vũ Hoàng T; anh Đỗ Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với mỗi cháu là 1.500.000đ (*một triệu năm trăm nghìn đồng*)/tháng, tính từ tháng 8 năm 2020 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Đỗ Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về tài sản và công nợ: Chị Vũ Thị H và anh Đỗ Văn H không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vũ Thị H và anh Đỗ Văn H thỏa thuận chị Vũ Thị H chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0006117 ngày 15/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Anh Đỗ Văn H phải nộp 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện Th;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã D, huyện Tr;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Minh Tiến